

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày: 19-5-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng; Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ng L S, sinh năm 1997; địa chỉ: Tầng 1, số 96 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 4 năm 2020), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông L Th S, sinh năm 1981; địa chỉ: Số C5/1 L, Khu phố B, phường Thuận Giao, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ng L S trình bày:

Vào ngày 08 tháng 4 năm 2015 ông L Th S có ký Hợp đồng tín dụng số HCM/15/0777/HĐTD với Ngân hàng để vay số tiền 850.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 11.5%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày nhận nợ, mức lãi suất định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; mục đích để mua xe ô tô tải thùng bạt 02 cầu 13 T2, nhãn hiệu

DONGFENG C260, mới 100%; thời hạn vay 72 tháng (từ ngày 08 tháng 4 năm 2015 đến ngày 08 tháng 4 năm 2021); phương thức thanh toán là trả gốc phân kỳ và lãi hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là Quyền sở hữu/sử dụng 01 xe ô tô tải (có mui), 02 chỗ ngồi, nhãn hiệu DONGFENG, số khung LGAXLLX7E8812707, số máy C2603378071127, Biển số 84C-030.85 thuộc quyền sở hữu của ông L Th S theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001254 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 31 tháng 3 năm 2015 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HCM/15/0777/HDTCSPT ngày 08 tháng 4 năm 2015, có đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 08 tháng 4 năm 2015 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện hợp đồng, ông S đã nhận đủ tiền và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 392.384.089 đồng và tiền lãi 214.307.428 đồng rồi ngưng không thanh toán số tiền còn lại cho Ngân hàng. Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, nhưng ông S không trả. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 01 tháng 8 năm 2019 là 616.270.902 đồng (trong đó nợ gốc 457.615.911 đồng; nợ lãi 158.654.991 đồng).

Trường hợp ông S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ thì ông S tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Điều lệ; Công văn số 1567 ngày 11 tháng 8 năm 2010; đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm; Công văn số 11701 ngày 08 tháng 4 năm 2015; Quyết định số 1376 ngày 04 tháng 8 năm 2014; Văn bản yêu cầu thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông; lịch giải ngân; Ủy nhiệm chi ngày 08 tháng 4 năm 2015; Khế ước nhận nợ; văn bản đề nghị giải ngân ngày 08 tháng 4 năm 2015; thông báo giải ngân ngày 08 tháng 4 năm 2015; Hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 08 tháng 4 năm 2015; Hợp đồng tín dụng số HCM/15/0777/HĐTD ngày 08 tháng 4 năm 2015; Hợp đồng gửi giữ tài sản số HCM/15/0777/HDGGTS ngày 08 tháng 4 năm 2015; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 5 năm 2019; Quyết định số 72 ngày 03 tháng 02 năm 2015; văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 3 năm 2018; bảng kê tính lãi.

Bị đơn ông L Th S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đến Tòa án làm việc vào ngày 05 tháng 02 năm 2020; thông báo hòa giải lần 1 và giấy triệu tập đến Tòa án hòa giải ngày 21 tháng 02 năm 2020; thông báo hòa giải lần 2 và giấy triệu tập đến Tòa án hòa giải ngày 09 tháng 3 năm 2020; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến tòa án tham gia phiên tòa ngày 20 tháng 4 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến Tòa án tham gia phiên tòa ngày 19 tháng 5 năm 2020. Tuy nhiên, ông S vắng mặt không rõ lý do.

Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông L Th S phải thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19 tháng 5 năm 2020) là 806.607.108 đồng (trong đó nợ gốc 457.615.911 đồng; tiền lãi 348.991.197 đồng).

Trường hợp ông S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ thì ông S tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L Th S; địa chỉ: C5/1 L, Khu phố B, phường Thuận Giao, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương trả tiền nợ vay, tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Xét, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông L Th S theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông S không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của ông S trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ng L S có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S, ông S theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông L Th S phải thanh toán số tiền 806.607.108 đồng (trong đó nợ gốc 457.615.911 đồng; tiền lãi 348.991.197 đồng). Trường hợp ông S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản mà ông S đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cản trừ nghĩa vụ trả nợ của ông S.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Ngân hàng đã cung cấp Hợp đồng tín dụng số HCM/15/0777/HDTD ngày 08 tháng 4 năm 2015; đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm; Công văn số 11701 ngày 08 tháng 4 năm 2015; Văn bản yêu cầu thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông; lịch giải ngân; Ủy nhiệm chi ngày 08 tháng 4 năm 2015; Khế ước nhận nợ ngày 08 tháng 4 năm 2015; văn bản đề nghị giải ngân ngày 08 tháng 4 năm 2015; thông báo giải ngân ngày 08 tháng 4 năm 2015; Hợp

đồng thế chấp xe ô tô ngày 08 tháng 4 năm 2015; Hợp đồng gửi giữ tài sản số HCM/15/0777/HDGGTS ngày 08 tháng 4 năm 2015; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân...

[5] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: Theo Hợp đồng tín dụng số HCM/15/0777/HDTD ngày 08 tháng 4 năm 2015 thì Ngân hàng cho bị đơn ông L Th S vay số tiền 850.000.000 đồng; thời hạn vay là 72 tháng, kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2015 đến ngày 08 tháng 4 năm 2021; mục đích vay để mua xe ô tô tải thùng bạt 02 cầu 13 T2, nhãn hiệu DONGFENG C260, mới 100%. Thực hiện hợp đồng, ông S đã nhận đủ số tiền vay theo thông báo giải ngân ngày 08 tháng 4 năm 2015 và ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 392.384.089 đồng, tiền lãi 214.307.428 đồng, còn nợ số tiền 457.615.911 đồng. Từ ngày 13 tháng 02 năm 2018 đến nay ông S ngưng không thanh toán tiền nợ vay và tiền lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện. Xét quá trình thực hiện hợp đồng, ông S không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 457.615.911 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Theo Hợp đồng tín dụng số HCM/15/0777/HDTD ngày 08 tháng 4 năm 2015 và khế ước nhận nợ ngày 08 tháng 4 năm 2015 thì Ngân hàng cho ông S vay số tiền 850.000.000 đồng, lãi suất 11,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thấy, việc thỏa thuận thanh toán tiền lãi của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Do đó, yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn (theo bảng kê chi tiết của Ngân hàng) là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, ông Sơn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 348.991.197 đồng.

[7] Đối với tài sản thế chấp là: Quyền sở hữu/sử dụng 01 xe ô tô tải (có mui), 02 chỗ ngồi, nhãn hiệu DONGFENG, số loại HH/C26033, số khung LGAXLLX7E8812707, số máy C2603378071127, Biển số 84C-030.85 thuộc quyền sở hữu của ông L Th S theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001254 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 31 tháng 3 năm 2015 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HCM/15/0777/HDTCSPT ngày 08 tháng 4 năm 2015, có đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 08 tháng 4 năm 2015 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số HCM/15/0777/HDTD ngày 08 tháng 4 năm 2015 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác giữa ông S và Ngân hàng bao gồm các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản có liên quan... là phù hợp với quy định tại các Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 348, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp ông S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005.

[8] Như vậy, ông L Th S phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 806.607.108 đồng (trong đó nợ gốc 457.615.911 đồng; tiền lãi 348.991.197 đồng).

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 342; Điều 343; Điều; Điều 344; Điều 348; Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 94; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn L Th S.

Buộc ông L Th S phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 806.607.108 đồng (trong đó nợ gốc 457.615.911 đồng; nợ lãi 348.991.197 đồng (tám trăm lẻ sáu triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn một trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày 19/5/2020 trở đi ông L Th S còn phải trả các khoản tiền lãi được tính trên số tiền dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông L Th S tại Hợp đồng tín dụng số HCM/15/0777/HDTD ngày 08 tháng 4 năm 2015 và khế ước nhận nợ ngày 08 tháng 4 năm 2015 đã ký kết.

Trường hợp ông L Th S không thanh toán hết số tiền nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: Quyền sở hữu/sử dụng 01 xe ô tô tải (có mui), 02 chỗ ngồi, nhãn hiệu DONGFENG, số loại HH/C26033, số khung LGAXLLX7E8812707, số máy C2603378071127, Biển số 84C-030.85 thuộc quyền sở hữu của ông L Th S theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001254 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 31 tháng 3 năm 2015 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HCM/15/0777/HDTCSPT ngày 08 tháng 4 năm 2015, có đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 08 tháng 4 năm 2015 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L Th S phải chịu 36.198.213 đồng (ba mươi sáu triệu một trăm chín mươi tám ngàn hai trăm mười ba đồng.).

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 14.325.418 đồng (mười bốn triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm mười tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046005 ngày 26 tháng 12 năm 2019 (do bà Ng Th Đ Th nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thành phố Thuận An;,
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết